

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 04-3-2025.

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 673/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam)

Trụ sở: Số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần La Ngọc H1 – Trưởng phòng tổ tụng.

- Công ty L. Trụ sở: 23 L, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 – Giám đốc.

Công ty L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Đức T – Nhân viên (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/03/2023, Công ty T2 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty T2”) ký Hợp đồng tín dụng số 4349247 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp

tín dụng cho ông Nguyễn Văn H3 khoản vay với số tiền: 21.540.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó bao gồm: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 46%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/03/2025.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ngày 01/03/2023, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân đủ số tiền vay cho Nguyễn Văn H3 theo đúng quy định trong Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H3 không trả bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Văn H3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành gửi thư thông báo trực tiếp đến ông Nguyễn Văn H3 biết về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông Nguyễn Văn H3 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào đối với Công ty T2.

Như vậy, ông Nguyễn Văn H3 đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T2.

Tính đến ngày **04/03/2025**, ông Nguyễn Văn H3 đã không thanh toán, trễ hạn **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng.

Nay Công ty T2 (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Văn H3 thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) toàn bộ khoản vay tính đến ngày **04/03/2025** là: **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H3 thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày **05/03/2025** cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Ngoài ra, Công ty T2 (Việt Nam) không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn H3 đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Công ty T2 (Việt Nam) cung cấp đã có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H3 phải trả ngay một lần cho Công ty T2 (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/3/2025 là **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu*

trăm sau mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng. Ông Nguyễn Văn H3 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T2 (Việt Nam) khởi kiện ông Nguyễn Văn H3 trả lại tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023; Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 có nơi cư trú tại thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H3 đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và 228 Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn H3 ký với Công ty T2 (Việt Nam) Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023 về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn H3 khoản vay với số tiền: 21.540.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó bao gồm: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 46%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/03/2025.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ngày 01/03/2023, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân đủ số tiền vay cho Nguyễn Văn H3 theo đúng quy định trong Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H3 không trả bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn nên Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông H3 phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử 04/3/2025 là **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng.

Quá trình tố tụng vụ án, ông H3 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu này của Công ty T2 nên căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Công ty T2 cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H3 phải thanh toán cho Công ty T2 tổng cộng **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh

toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng. Ông Nguyễn Văn H3 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023.

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả **46.667.167 đồng** là 2.333.000 đồng.

- Công ty T2 không phải chịu án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 147, 157, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023 với ông Nguyễn Văn H3:

1. Ông Nguyễn Văn H3 phải thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền **46.667.167 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 12.360.778 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 11.367.702 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.508.687 đồng.

2. Ông Nguyễn Văn H3 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Công ty T2 (Việt Nam) kể từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4349247 ngày 01/03/2023.

3. Án phí:

- Ông Nguyễn Văn H3 phải nộp 2.333.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty T2 (Việt Nam) 861.000 đồng (Tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004191 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TP Phú Mỹ;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hiền